



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **GIAO TIẾP THƯƠNG MẠI CƠ BẢN**
- Mã học phần: CHI423
- Số tín chỉ: 3 (3/0/6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4; Kỹ năng nghe nói 4
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
- Số giờ tín chỉ: 45 , trong đó:
  - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
  - Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Diệp Tuyết Vân
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0908 440 778 .
- Email: [vandt2@vhu.edu.vn](mailto:vandt2@vhu.edu.vn) .

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hoàng Văn Cường.
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ .
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0908 975 518
- Email: [cuonghv@vhu.edu.vn](mailto:cuonghv@vhu.edu.vn)

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 08 bài, cung cấp cho người học kiến thức thực tiễn và tính tri thức, chú trọng bồi dưỡng năng lực diễn đạt khẩu ngữ của mọi người trong giao dịch, mua bán bằng tiếng Trung Quốc. Mỗi bài xoay quanh một chủ đề trọng tâm, từ các góc độ khác nhau xoay sâu vào các kỹ năng quan trọng thuộc nhiều tình huống trong quá trình giao tiếp Hán ngữ thương mại cơ bản. Căn cứ trên các chủ đề trung tâm và hội thoại tình huống giúp người học: nắm vững môi trường ngôn ngữ giao tiếp thương mại, kết cấu câu, năng lực biểu đạt. Sau khi nắm vững trọng điểm ngôn ngữ qua các tình huống người

học sẽ rút kết rút ra từ ngữ và hình thức câu thường dùng nhất trong đàm phán ngoại thương nhằm nâng cao trình độ khẩu ngữ thương mại.

Thông qua các chủ đề bài học cụ thể người học có thể tăng cường thêm kiến thức thương mại cơ bản như giao dịch thương mại cơ bản, lễ nghi trong giao tiếp, lưu trình mua hàng ( báo giá, giao hàng, thanh toán,...)

#### 4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức về năng lực diễn đạt khẩu ngữ trong giao dịch, mua bán bằng tiếng Trung Quốc
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiếng Trung sử dụng trong giao tiếp, đàm phán thương mại.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung trong môi trường thương mại.
- Trang bị kiến thức ngôn ngữ chuyên dụng về lễ nghi giao tiếp thương mại, giao dịch trao đổi, đàm phán thương mại.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| Mã CDR           | Nội dung chuẩn đầu ra<br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                                                                                                                               |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b> |                                                                                                                                                                                                                |
| CLO1             | Nắm được các từ ngữ, cấu trúc câu đàm thoại thường dùng trong giao tiếp thương mại.<br>Nắm được các thuật ngữ về đón tiếp, gặp gỡ khách thương mại; thuật ngữ mang tính khách khí trong yến tiệc cùng đối tác. |
| CLO2             | Nắm được thuật ngữ và cấu trúc câu chuyên dùng trong thảo luận đàm phán giá cả giao dịch mua bán, hội thoại khi tham quan và xúc tiến giao dịch trong hội chợ triển lãm.                                       |
| CLO3             | Biết cách đàm phán yêu cầu về vấn đề thanh toán, thỏa thuận các phương thức thanh toán sau giao dịch trao đổi mua bán thương mại.                                                                              |
| CLO4             | Vận dụng thành thạo các tình huống giao tiếp thương mại theo 7 chủ đề trong học phần: Hoan nghênh, gặp gỡ, hội chợ triển lãm, yến tiệc, giá cả, giao hàng, thanh toán.                                         |
| <b>Kỹ năng</b>   |                                                                                                                                                                                                                |
| CLO5             | Sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc trong môi trường giao tiếp thương mại                                                                                                                                      |
| CLO6             | Chủ động được kỹ năng giao tiếp trong tiếp đãi xã giao thương mại khi chào đón, yến tiệc                                                                                                                       |
| CLO7             | Phân tích, đánh giá được các giải pháp khi nắm rõ kiến thức trong ngôn ngữ đàm phán thương mại về những chuyên đề đã học                                                                                       |
| CLO8             | Biết cách xử lý những tình huống thương mại như khi cần thì báo giá thương lượng giá, đưa ra phương thức thời hạn giao hàng hoặc ngược lại                                                                     |

| Mã CDR                              | Nội dung chuẩn đầu ra<br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                                                            |
|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | yêu cầu, thỏa thuận phương thức thời hạn giao hàng cũng như phương thức thanh toán.                                                         |
| CLO9                                | Nắm được những phương thức giao hàng và thanh toán có ưu khuyết điểm như thế nào để chủ động đưa ra điều kiện đàm phán thương thảo phù hợp. |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                                                                             |
| CLO10                               | Tích cực, chủ động trong học tập                                                                                                            |
| CLO11                               | Tham gia các buổi thảo luận nhóm (bài tập nhỏ)                                                                                              |
| CLO12                               | Phát huy tính sáng tạo trong hoạt động nhóm (bài tập nhỏ)                                                                                   |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần**

| Chuẩn đầu ra | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| CLO1         | X    | X    |      |      |      |      |      |      |
| CLO2         | X    | X    |      |      |      |      |      |      |
| CLO3         | X    | X    |      |      |      |      |      |      |
| CLO4         | X    | X    |      |      |      |      |      |      |
| CLO5         |      |      | X    | X    |      |      |      |      |
| CLO6         |      |      | X    | X    |      |      |      |      |
| CLO7         |      |      | X    | X    |      |      |      |      |
| CLO8         |      |      | X    | X    |      |      |      |      |
| CLO9         |      |      |      |      | X    | X    |      |      |
| CLO10        |      |      |      |      |      |      | X    | X    |
| CLO11        |      |      |      |      |      |      | X    | X    |
| CLO12        |      |      |      |      |      |      | X    | X    |

**Ghi chú:** *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

*CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần*

## 6. Nội dung chi tiết của học phần

### 6.1. Lý thuyết

| Bài         | Nội dung                                                                         | Đáp ứng CLOs                           |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| Bài 1<br>欢迎 | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | <b>CLO1,2,3,4</b><br><b>CLO5,6,7,8</b> |
| 1.1.        | 机场迎接                                                                             | CLO1,2,5                               |
| 1.2.        | 饭店及其他安排                                                                          | CLO1,5                                 |

| Bài                | Nội dung                                                                         | Đáp ứng CLOs   |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1.3.               | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,4,5,6     |
| 1.4.               | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 2<br>会见        | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |
| 2.1.               | 引言问候及工作目标简提                                                                      | CLO1,5,7,8     |
| 2.2.               | 感谢合作愉快的客套话                                                                       | CLO1,5,7,8     |
| 2.3.               | 洽谈大米出口量                                                                          | CLO1,3,5,6     |
| 2.4.               | 货物销售情况查询                                                                         | CLO1,5,8       |
| 2.5.               | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| 2.6.               | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,4,5,6     |
| Bài 3<br>博览会       | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,5,9       |
| 3.1.               | 展厅位置选                                                                            | CLO1,5,9       |
| 3.2.               | 在展厅推介产品                                                                          | CLO1,2,5       |
| 3.3.               | 对博览会的评价                                                                          | CLO1,5         |
| 3.4.               | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,4,5,6     |
| 3.5.               | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 4<br>宴会        | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |
| 4.1                | 宴会客套话                                                                            | CLO1,5,7,8     |
| 4.2                | 酒品推介                                                                             | CLO1,3,5,6     |
| 4.3                | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,5,8       |
| 4.4                | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 5<br>价格<br>(一) | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |
| 5.1                | 价格谈判国际贸易各种价如： CIF,FOB,...                                                        | CLO1,5,7,8     |
| 5.2                | 交易洽商： 价格                                                                         | CLO1,3,5,6     |
| 5.3                | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,5,8       |
| 5.4                | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 6<br>价格<br>(二) | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |

| Bài                | Nội dung                                                                         | Đáp ứng CLOs   |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 6.1                | 价格洽商                                                                             | CLO1,5,7,8     |
| 6.2                | 议价                                                                               | CLO1,3,5,6     |
| 6.3                | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,5,8       |
| 6.4                | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 7<br>交货        | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |
| 7.1                | 交货数量及期间洽谈                                                                        | CLO1,5,7,8     |
| 7.2                | 分批交货要求                                                                           | CLO1,3,5,6     |
| 7.3                | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,5,8       |
| 7.4                | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 8<br>支付<br>(一) | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |
| 8.1                | 货币洽谈                                                                             | CLO1,5,7,8     |
| 8.2                | 付款方式洽谈                                                                           | CLO1,3,5,6     |
| 8.3                | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,5,8       |
| 8.4                | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |
| Bài 9<br>支付<br>(二) | Thuyết trình bài giảng<br>Kiểm tra kiến thức<br>Hướng dẫn thực hành nói trên lớp | CLO1,3,5,6,7,8 |
| 9.1                | 付款方式洽谈                                                                           | CLO1,5,7,8     |
| 9.2                | LC 付款及相关证件                                                                       | CLO1,3,5,6     |
| 9.3                | 重点词语和句式                                                                          | CLO1,5,8       |
| 9.4                | 补充短文（翻译后复述）                                                                      | CLO1,2,3,4,5,6 |

## 6.2. Thực hành

|        | Nội dung                                                                                                             | Đáp ứng CLOs                                    |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 6.2.1. | <b>Bài tập cá nhân</b>                                                                                               |                                                 |
|        | - Người học vận dụng các kiến thức vừa học vào bài tập của mỗi bài                                                   | CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 |
| 6.2.2. | <b>Bài tập nhóm</b>                                                                                                  |                                                 |
|        | - Người học vận dụng các kiến thức vừa học vào bài tập của mỗi bài<br>- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp. | CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5;CLO6;CLO 7;CLO 8       |

**7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:**

| Bài         | Tên chương | Số tiết tín chỉ |         |           |           |      | Ghi chú |
|-------------|------------|-----------------|---------|-----------|-----------|------|---------|
|             |            | Lý thuyết       | Bài tập | Thực hành | Tự học    | Tổng |         |
| 1           | 欢迎         | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 2           | 会见         | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 3           | 博览会        | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 4           | 宴会         | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 5           | 价格 (一)     | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 6           | 价格 (二)     | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 7           | 交货         | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 8           | 支付 (一)     | 5               |         |           | 10        |      |         |
| 9           | 支付 (二)     | 5               |         |           | 10        |      |         |
| <b>Tổng</b> |            | <b>45</b>       |         |           | <b>90</b> |      |         |

**CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN**

Đề tài thảo luận theo giáo trình có sẵn sau mỗi bài học.

**8. Phương pháp giảng dạy:**

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| Phương pháp giảng dạy               | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 | CLO9 | CLO10 | CLO11 | CLO12 |
|-------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|
| - Phát vấn                          | X    | X    |      |      |      |      |      |      |      | X     |       |       |
| - Hỏi lại hoặc vấn đáp              | X    |      |      |      |      |      |      |      |      | X     |       |       |
| - Đọc và tóm lược nội dung tài liệu |      |      | X    |      |      |      |      |      |      | X     |       |       |
| - Động não nhanh                    |      |      |      | X    |      |      |      |      |      | X     | X     |       |

| Phương pháp giảng dạy    | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 | CLO9 | CLO10 | CLO11 | CLO12 |
|--------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|
| (bài tập tư duy cá nhân) |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |
| - Giao bài đọc về nhà    |      |      |      |      | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     | X     |
| - Hướng dẫn tự học       |      |      |      |      | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     | X     |
| - Thảo luận nhóm         |      |      |      |      | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     | X     |

### 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập**

| Phương pháp học tập     | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 | CLO9 | CLO10 | CLO11 | CLO12 |
|-------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|
| - Làm việc nhóm         | X    | X    |      |      |      |      |      |      |      | X     |       |       |
| - Tự học, tự nghiên cứu | X    |      |      |      |      |      |      |      |      | X     |       |       |

### 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

### 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 10, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20, trọng số 20%

2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi: tổng hợp (trắc nghiệm khách quan+ tự luận)

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

| Hình thức đánh giá | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 | CLO9 | CLO10 | CLO11 | CLO12 |
|--------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|
| Trắc nghiệm        | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     | X     |
| Tự luận            | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     | X     |

### 13. Tài liệu tham khảo

#### 13.1. Tài liệu chính

- 汉语外贸口语 30 课: 张静贤主编- 北京 出版社- 2002

#### 13.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình tiếng Hán thương mại – Sử Trung Kỳ, Hồ Linh Quân, Vương Tiểu Đan – Nhà xuất bản Dân Trí – 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trưởng Khoa/Bộ môn**

**Giảng viên biên soạn**



**PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**

**NGUYỄN VĂN TRƯỜNG AN**

**Điệp Tuyết Đan**